



Thông tin Học sinh	
Tên Học sinh:	
Học sinh ID:	
Năm học:	
Lớp:	
Giáo viên:	

Thông tin Trường học	
Tên Trường học:	
Hiệu trưởng:	
Điện thoại Trường học:	
Địa chỉ Trường học:	

Sự tham dự	Học kì 1	Học kì 2
Số ngày ở trường		
Số ngày vắng mặt		
Tỷ lệ có mặt		
Đi học muộn hoặc tan học sớm		

Dịch vụ sinh viên	
ELL Hoạt động	
ELL được quan sát	
Tài năng và Năng khiếu	
Giáo dục đặc biệt	

Thang đo mức độ thành thạo		
4	<b>Thành thạo</b>	Học sinh luôn thể hiện sự thông thạo các tiêu chuẩn của cấp lớp. Bằng chứng cho thấy khả năng áp dụng các khái niệm trong nhiều ngữ cảnh khác nhau.
3	<b>Tiếp cận sự thành thạo</b>	Học sinh có thể thể hiện sự hiểu biết một phần về các tiêu chuẩn của cấp lớp. Học sinh vẫn đưa ra bằng chứng mà thường có thể có sai sót.
2	<b>Mức độ thành thạo tối thiểu</b>	Học sinh không thể hiện sự hiểu biết về các tiêu chuẩn của cấp lớp. Học sinh đưa ra bằng chứng dưới cấp lớp đáng kể.
1	<b>Không đủ bằng chứng hướng tới sự thành thạo</b>	Thiếu bằng chứng để xác định mức độ thông thạo của các tiêu chuẩn cấp lớp.
NA	<b>Không liên quan</b>	Tiêu chuẩn đã không được đề cập trong học kỳ này hoặc học sinh đã không đăng ký đủ lâu để đánh giá chính xác.

ĐỌC HIỂU	S1	S2
Làm theo các từ từ trái sang phải, trên xuống dưới, trang này sang trang khác. <b>RF.1a</b>		
Nhận biết và gọi tên tất cả các chữ cái viết hoa và viết thường trong bảng chữ cái. <b>RF.1b</b>		
Nhận biết và tạo ra các từ có vần. <b>RF.2a</b>		
Phát âm những từ đơn giản. <b>RF.2c</b>		
Nhận biết âm đầu, âm giữa và âm cuối trong từ. <b>RF.2d</b>		
Nhận dạng âm chữ cái. <b>RF.3a</b>		
Biết sự khác biệt giữa các nguyên âm dài và ngắn. <b>RF.3b</b>		
Đọc các từ có tần số cao. <b>RF.3c</b>		
Đọc và hiểu văn bản cấp lớp. <b>RF.4</b>		
Với sự nhắc nhở và hỗ trợ, hãy hỏi và trả lời các câu hỏi về các chi tiết chính trong văn bản (hư cấu và phi hư cấu). <b>RL.1, RL.4, SL.2</b>		
Với sự nhắc nhở và hỗ trợ, hãy kể lại những câu chuyện quen thuộc với các chi tiết chính. <b>RL.2, RL.7</b>		
Với nhắc nhở và hỗ trợ, xác định các nhân vật, cài đặt và các sự kiện chính trong một câu chuyện. <b>RL.3, RL.9</b>		
Với sự nhắc nhở và hỗ trợ, hãy nêu tên tác giả và họa sĩ minh họa của một câu chuyện và xác định vai trò của mỗi người. <b>RL.6, RL.5</b>		
Với sự nhắc nhở và hỗ trợ, hãy xác định chủ đề chính và kể lại các chi tiết chính của văn bản. <b>RI.2, RI.1, RI.3</b>		
Xác định bìa trước, bìa sau và trang tiêu đề của một cuốn sách. <b>RI.5, RI.6</b>		
Với sự nhắc nhở và hỗ trợ, hãy mô tả mối quan hệ giữa các bức tranh và các từ trong một câu chuyện. <b>RI.7</b>		

VIẾT	S1	S2
Sử dụng sự kết hợp giữa hình vẽ và từ ngữ, viết một ý kiến về một chủ đề đã chọn. <b>W.1, SL.5</b>		
Sử dụng kết hợp hình ảnh và từ ngữ, viết một đoạn văn giao tiếp về một chủ đề đã chọn. <b>W.2, W.7, W.8</b>		
Sử dụng kết hợp giữa tranh vẽ và văn tự sự, hãy viết một bài văn tự sự về một chủ đề đã chọn. <b>W.3, W.6</b>		
Với sự hướng dẫn và hỗ trợ, hãy chỉnh sửa và thêm các chi tiết vào bài viết. <b>W.5</b>		

Sinh viên:	Lớp <b>KG</b>	Giáo viên:
------------	---------------	------------

<b>NGÔN NGỮ</b>	<b>S1</b>	<b>S2</b>
Thể hiện cách sử dụng các quy ước về ngữ pháp tiếng Anh chuẩn và cách sử dụng khi viết hoặc nói. (ví dụ: sử dụng danh từ, động từ, danh từ số nhiều, từ nghi vấn và giới từ.) <b>L.1</b>		
Trình bày các lệnh viết hoa, ngắt câu, viết phiên âm và viết chữ cái. <b>L.2</b>		
Xác định và sử dụng các từ có nhiều hơn một nghĩa. Sử dụng các phụ tố (tiền tố / hậu tố) để xác định và định nghĩa các từ chưa biết. <b>L.4</b>		
Sử dụng và khám phá các từ và cụm từ mới thông qua nói và đọc. <b>L.6</b>		

<b>NÓI VÀ NGHE</b>	<b>S1</b>	<b>S2</b>
Tham gia vào cuộc trò chuyện nhóm, tuân theo các quy tắc thảo luận đã thống nhất và tiếp tục cuộc trò chuyện thông qua nhiều cuộc trao đổi. <b>SL.1, SL.3</b>		
Nói và bày tỏ những suy nghĩ, cảm xúc và ý tưởng một cách rõ ràng. <b>SL.6, SL.4</b>		

<b>TOÁN HỌC</b>	<b>S1</b>	<b>S2</b>
Đếm chuyển tiếp bắt đầu bằng một số nhất định. (bắt đầu từ một số khác 1) <b>CC.1, CC.2</b>		
Viết các số từ 0 đến 20 và biểu diễn một nhóm đối tượng từ một số đã viết. <b>CC.3</b>		
Đếm để trả lời "có bao nhiêu đồ vật" và tạo thành một nhóm đồ vật khi một số được cho. <b>CC.5, CC.4</b>		
So sánh hai số đã viết trong khoảng từ 1 đến 10. <b>CC.7, CC.6</b>		
Hiện thị phép cộng và phép trừ bằng nhiều phương pháp (đối tượng, ngón tay, phương trình). <b>OA.1</b>		
Giải các bài toán về cộng và trừ từ vựng trong vòng 10 bằng các đồ vật và hình vẽ. <b>OA.2</b>		
Chia nhỏ (phân rã) các số thành 10 bằng cách sử dụng các đồ vật hoặc hình vẽ. <b>OA.3</b>		
Xác định số cần thêm vào một số đã cho (1-9) để tạo thành 10 bằng cách sử dụng đồ vật hoặc hình vẽ. <b>OA.4</b>		
Để dàng cộng và trừ các số lên đến 5 hoặc ít hơn. <b>OA.5</b>		
Đặt lại với nhau và ngắt các số từ 11 - 19 chẳng hạn như $18 = 10 + 8$ . <b>NBT.1</b>		
So sánh hai đối tượng có thuộc tính chung (chiều dài, chiều cao, nhiệt độ, sức chứa) để xem cái nào có nhiều hơn và ít hơn. <b>MD.2, MD.1, MD.3</b>		
Mô tả vị trí của các đối tượng. <b>G.1</b>		
Phân tích, so sánh các hình 2 chiều và 3 chiều để mô tả sự giống nhau, khác nhau và các bộ phận của chúng. <b>G.4, G.2, G.3, G.5, G.6</b>		

<b>KHOA HỌC</b>	<b>S1</b>	<b>S2</b>
Thời tiết và khí hậu: Hiểu dự đoán thời tiết là quan trọng đối với con người và động vật. <b>K-ESS2, K-ESS3, K-PS3, K-2-ETS1</b>		
Đẩy và Kéo: Hiểu việc đẩy hoặc kéo một vật có thể thay đổi tốc độ hoặc hướng chuyển động của vật đó. <b>K-PS2, K-2-ETS1</b>		
Hệ sinh thái: Hiểu thực vật và động vật cần những thứ nhất định để tồn tại. <b>K-LS1, K-ESS2, K-ESS3</b>		

<b>KHOA HỌC XÃ HỘI</b>	<b>S1</b>	<b>S2</b>
Hiểu các khái niệm về các đơn vị được giảng dạy (Lập pháp / Chính phủ, Kinh tế, Lịch sử và Địa lý).		

<b>SỨC KHỎE</b>	<b>S1</b>	<b>S2</b>
Hiểu các khái niệm về đơn vị được dạy.		

<b>GIÁO DỤC THỂ CHẤT</b>	<b>S1</b>	<b>S2</b>
Hãy tích cực tham gia và gắn bó.		
Thể hiện năng lực về kỹ năng vận động và các kiểu chuyển động.		

<b>GIÁO DỤC ÂM NHẠC</b>	<b>S1</b>	<b>S2</b>
Hát với âm vực và giai điệu thích hợp.		
Thể hiện nhịp ổn định theo nhiều cách khác nhau.		

Sinh viên:	Lớp: <b>KG</b>	Giáo viên:
------------	----------------	------------

<b>KỸ NĂNG THÀNH CÔNG</b> (Khoảng trống không được đánh dấu hiển thị các lĩnh vực thành công của học sinh / X chỉ ra nhu cầu cải thiện của học sinh)					
	S1	S2		S1	S2
Hoạt động độc lập và quản lý thời gian hiệu quả			Thể hiện sự tôn trọng đối với người lớn, học sinh, môi trường học đường và tài liệu		
Tích cực tham gia học tập			Thực hiện chuyển đổi thích hợp giữa các hoạt động của trường		
Tạo ra công việc chất lượng			Sắp xếp bản thân, tài liệu và đồ dùng		
Chăm chú lắng nghe và làm theo hướng dẫn			Sử dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề		
Chịu trách nhiệm về các lựa chọn và hành động			Hoàn thành bài tập đúng hạn		
Tuân theo lịch học và kỳ vọng của trường					

**NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN**

**Học kì 1**

**Học kỳ 2**

